

DOANH NGHIỆP & CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

WWW.TRUNGTAMWTO.VN**SỐ 11 &12, QUÝ II-IV/2012**

Mục lục

Tin Thế giới

1. Nga gia nhập WTO sau 18 năm đàm phán
2. Khai mạc Phiên đàm phán thứ nhất Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc
3. Vòng đàm phán thứ 12 và 13 của TPP – vẫn còn nhiều khoảng cách
4. Mexico và Canada chính thức tham gia đàm phán TPP
5. FTA Trung-Nhật-Hàn: con đường dài nhiều chông gai
6. Liên minh Thái Bình Dương được thành lập
7. Ủy ban châu Âu đề xuất khởi động đàm phán FTA với Nhật Bản
8. Malaysia và Australia ký Hiệp định thương mại tự do

Tin Việt Nam

1. VCCI gửi thư kiến nghị về đàm phán Chương Sở hữu trí tuệ trong TPP lên Đại diện Thương mại Hoa Kỳ
2. Việt Nam khởi động đàm phán FTA với EU
3. DOC tuyên bố kết luận sơ bộ về trợ cấp đối với Mắc áo thép Việt Nam
4. DOC ra kết luận sơ bộ về phá giá đối với ống thép hàn Các-bon của Việt Nam
5. Braxin liên tục kiện chống bán phá giá hàng Việt Nam

Chuyên đề : Việt Nam và Đàm phán Sở hữu trí tuệ trong TPP

1. Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong TPP – Lựa chọn nào cho Việt Nam ?
2. Bảo hộ sáng chế và những đối tượng dễ bị tổn thương



TIN THẾ GIỚI:

Nga gia nhập WTO sau 18 năm đàm phán

Ngày 22/8/2012, Nga đã chính thức trở thành thành viên thứ 156 của WTO sau 18 năm đàm phán gia nhập. Đây là quá trình gia nhập lâu nhất trong WTO, ngay cả Trung Quốc, cũng chỉ mất 15 năm. Điều này là do những bất đồng về quan điểm trên nhiều lĩnh vực giữa Nga và các nước phương Tây, nhất là EU và Mỹ, và sự phản đối của các nước Liên Xô cũ.



Việc Nga gia nhập WTO hứa hẹn đem đến cho nước này nhiều lợi ích đáng kể. Theo đánh giá của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), các ưu đãi thuế quan trong WTO có thể đem đến cho Nga nguồn lợi khoảng 918 tỷ USD/năm. Các lợi ích về đầu tư nước ngoài có thể bằng 3% GDP của Nga trong 3 năm đầu tiên và 11% GDP sau 10 năm theo dự báo của Ngân hàng Thế giới (WB). Viện Kinh tế mới của Nga cũng dự báo việc trở thành thành viên WTO sẽ giúp tăng tốc độ tăng trưởng GDP của Nga thêm 0,5%/năm.

Tuy nhiên, Nga cũng sẽ phải đối mặt với những thách thức từ việc mở cửa thị trường hàng hóa, dịch vụ và đầu tư cho hàng hóa và các nhà đầu tư nước ngoài. Theo cam kết, Nga sẽ phải cắt giảm thuế quan từ mức trung bình 9,5% hiện nay xuống còn 7,4% vào năm tới, 6,9% năm tiếp theo và 6% vào năm 2015. Điều này sẽ tạo ra cạnh tranh lớn đối với các ngành sản xuất nội địa vốn được che chở và bao bọc khá kỹ của Nga. Đặc biệt, ngành nông nghiệp vốn có khả năng cạnh tranh thấp và vẫn đang phải nhận trợ giá của Chính phủ cho các nguyên liệu đầu vào nay sẽ bị cắt giảm trợ cấp xuống còn 9 tỷ USD trong thời gian từ nay tới 2018.

Vì vậy, có thể nói gia nhập WTO sẽ mở ra các cơ hội lớn cho Nga nhưng cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro khi mà một trong những nền kinh tế quan trọng nhất thế giới này thực sự gia nhập vào “cuộc chơi toàn cầu”.

Khai mạc Phiên đàm phán thứ nhất Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc

Ngày 3/9/2012, tại Seoul Hàn Quốc Bộ trưởng phụ trách thương mại, Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc Bark Tae Ho và Bộ trưởng Bộ Công Thương Việt Nam Vũ Huy Hoàng đã cùng khai mạc Phiên đàm phán thứ nhất Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Hàn Quốc. Sự kiện này đánh dấu một bước phát triển thương mại mới đồng thời kỉ niệm 20 năm quan hệ ngoại giao giữa hai nước.



Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Hàn Quốc sẽ bao gồm thương mại hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, các quy tắc hợp tác kinh tế và các vấn đề khác mà hai bên cùng quan tâm. Hiệp định này sẽ là một bước tiến cao hơn cải thiện các cam kết trong Hiệp định thương mại tự do Hàn Quốc- ASEAN hiện tại.

Hàn Quốc hiện là một trong những đối tác thương mại quan trọng của Việt Nam với kim ngạch thương mại năm 2011 đạt 18 tỷ USD. Hàn quốc cũng là nhà đầu tư lớn nhất của Việt Nam với khoảng 3.500 dự án với tổng số vốn đăng ký khoảng 24,5 tỷ USD.

Vòng đàm phán thứ 12 và 13 của TPP – vẫn còn nhiều khoảng cách



Trong tháng 5 và tháng 7 vừa qua, hai Vòng đàm phán (thứ 12 và 13) của Hiệp định Đối tác Thương mại Xuyên Thái Bình Dương (TPP), một đàm phán thương mại tự do giữa 11 nước hai bờ Thái Bình Dương trong đó có Việt Nam và Hoa Kỳ đã diễn ra cấp tập tại Hoa Kỳ.

Thông tin cho biết trong tổng cộng gần 20 tháng đàm phán của 02 Vòng này, các nhóm đàm phán đã tập trung thảo luận về lời văn của Hiệp định. Trong đó, các nội dung liên quan đến doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp nhà nước, chuỗi cung ứng hàng hóa, xung đột pháp luật là những chủ đề được Hoa Kỳ nhấn mạnh trong quá trình đàm phán và là thách thức lớn với nhiều nước khác.

Ở các nhóm lĩnh vực truyền thống, từ hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, truyền thông, thương mại điện tử cho đến hải quan, sở hữu trí tuệ, lao động, môi trường và cạnh tranh, các nhóm đàm phán tiếp tục thảo luận về các nội dung cam kết chi tiết. Nhiều nguồn thông tin không chính thức cho hay các nước thành viên TPP còn có khoảng cách khá xa trong quan điểm tiếp cận nhiều vấn đề cụ thể trong đàm phán.

Một diễn đàn bên lề vòng đàm phán đã được tổ chức cho hơn 300 bên liên quan từ Hoa Kỳ và các quốc gia TPP khác. Đây là cơ hội để các bên có thể bày tỏ quan điểm của mình cũng như trao đổi trực tiếp với các nhà đàm phán về các vấn đề mình quan tâm.

Mexico và Canada chính thức tham gia đàm phán TPP

Ngày 18/6/2012, tại cuộc gặp song phương giữa Tổng thống Mỹ Obama và Tổng thống Mexico Calderon trước Hội nghị Thượng đỉnh các nước phát triển và mới nổi (G20), Tổng thống Obama thông báo các nước thành viên TPP chính thức mời Mexico tham gia đàm phán TPP.

Tiếp đó, ngày 19/6/2012, Canada cũng thông báo chính thức nhận lời mời tham gia vào TPP.

Mexico, Canada và Nhật Bản đã bày tỏ ý định tham gia vào TPP từ tháng 11 năm ngoái tại một Hội nghị cấp cao các nền kinh tế khu vực. Tuy nhiên, cho đến nay Nhật Bản vẫn chưa quyết định tham gia vào TPP do còn nhiều cân nhắc về vấn đề mở cửa thị trường ô tô, nông nghiệp và dịch vụ. Mexico và Canada – hai nước láng giềng và cũng đã là đối tác của Mỹ trong Hiệp định thương mại tự do Bắc Mỹ cuối cùng đã quyết định chính thức tham gia vào đàm phán TPP, vượt qua những quan ngại về vấn đề sở hữu trí tuệ (Mexico) hay mở cửa nông nghiệp trong TPP (Canada).

Như vậy, bắt đầu từ Vòng đàm phán thứ 13 (tháng 7/2012) của TPP, với sự tham gia của Mexico và Canada, đàm phán TPP sẽ được thực hiện với 11 nước thành viên. Hiện chính quyền Obama đang cố gắng thúc đẩy đàm phán này để có thể kết thúc vào năm 2012, thời điểm bắt đầu chiến dịch bầu cử Tổng thống mới ở Hoa Kỳ. Và mặc dù trên thực tế quá trình đàm phán đang diễn ra rất khẩn trương, giới quan sát vẫn cho rằng đây là một mục tiêu khá xa vời và khó đạt được.



FTA Trung-Nhật-Hàn: con đường dài nhiều chông gai



Ngày 13/5/2012, Hội nghị thượng đỉnh ba nước Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc lần thứ năm đã diễn ra tại Bắc Kinh. Tại Hội nghị, lãnh đạo ba nước đã thống nhất khởi động đàm phán Hiệp định thương mại tự do (FTA) Trung Quốc – Nhật Bản – Hàn Quốc trong năm nay.

Thực tế, Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc đã theo đuổi sáng kiến thành lập một FTA giữa ba nước từ cách đây 10 năm theo đề xuất của Trung Quốc vào năm 2002 nhưng không có bước đột phá nào thực sự. Trong thời gian gần đây, khi vòng Doha bế tắc và thị trường thế giới âm ỉ, đặc biệt là nhu cầu nhập khẩu giảm sút tại Châu Âu và Hoa Kỳ, ba nền kinh tế này lại tìm cách tăng cường quan hệ thương mại với nhau, tiếp thêm nguồn năng lượng mới cho tiến trình đàm phán FTA tay ba này.

Nhật Bản và Trung Quốc hiện là các nền kinh tế lớn thứ hai, thứ ba thế giới, còn Hàn Quốc là nước có nền kinh tế đứng thứ tư ở Châu Á. Tính tổng chung, ba nước này chiếm hơn 1/5 sản lượng toàn cầu và chiếm 18% tổng hàng hóa xuất khẩu thế giới. Do đó, một FTA chung có thể đem lại những lợi ích kinh tế to lớn cho cả ba nước này và cũng sẽ có tầm ảnh hưởng đáng kể đối với các nước khác, trong đó phải nói đến Hoa Kỳ.

Hiện tại, Hoa Kỳ đang nỗ lực đàm phán Hiệp định Thương mại Xuyên Thái Bình Dương (TPP) với 10 nền kinh tế khác trong khu vực Châu Á – Thái Bình Dương. Một trong những mục tiêu quan trọng của Hoa Kỳ trong TPP được cho là để “đổi trọng” với Trung Quốc và tăng cường tầm ảnh hưởng của mình tại khu vực Đông Á. Vì vậy, giới quan sát cho rằng Hoa Kỳ hẳn sẽ không mong muốn một FTA chung giữa ba nước Trung – Nhật – Hàn “cạnh tranh” với TPP. Mặt khác, Hàn Quốc và Nhật Bản với những quan hệ đồng minh với Hoa Kỳ chắc chắn sẽ phải cân nhắc khi tham gia cùng Trung Quốc.

Bên cạnh đó, nhiều ý kiến cho rằng vấn đề bảo hộ nông nghiệp của Nhật Bản, doanh nghiệp nhà nước của Trung Quốc và tham vọng tiến gấp so với Nhật Bản của Hàn Quốc thông qua một FTA song phương với Trung Quốc sẽ là các rào cản đối với FTA Trung-Nhật-Hàn. Mặt khác, một FTA ba bên như vậy sẽ đòi hỏi những cuộc đàm phán kéo dài với đầy trở ngại bởi những toan tính nhiều bề của các bên cả về kinh tế lẫn chính trị.

Vì vậy, một FTA chung được xem là đầy hứa hẹn giữa Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc nếu thành hiện thực cũng sẽ là một con đường dài nhiều chông gai.

Liên minh Thái Bình Dương được thành lập



Ngày 6/6/2012, bốn nước Chile, Peru, Columbia và Mexico đã ký Hiệp ước thành lập Liên minh Thái Bình Dương nhằm tăng cường quan hệ thương mại và phát triển kinh tế giữa các nước này. Việc thành lập một liên minh với dân số khoảng 215 triệu người và tổng sản phẩm nội khối hơn 2000 tỉ USD hứa hẹn sẽ đem lại những tiềm năng phát triển mới cho khu vực này, đặc biệt là với sự tham gia của những nước phát triển nhanh trong khu vực Châu Á Thái Bình Dương như Peru và Chile.

Tổng thống Chile Sebastian Pinera cho biết mục tiêu của Liên minh Thái Bình Dương bao gồm thương mại tự do và liên kết kinh tế, với một định hướng rõ ràng về phía châu Á.

Tổng thống Costa Rica Laura Chinchilla, nước tham dự với tư cách quan sát viên cùng với Ngoại trưởng Canada John Baird và Vua Tây Ban Nha Juan Carlos, đã chính thức xin gia nhập liên minh này.

Ủy ban châu Âu đề xuất khởi động đàm phán FTA với Nhật Bản

Ngày 18/07/2012, Ủy ban châu Âu đã kêu gọi các nước thành viên EU thông qua quyết định khởi động đàm phán Hiệp định thương mại tự do (FTA) với Nhật Bản sau khi đạt được một thỏa thuận với Nhật Bản về chương trình nghị sự cho các cuộc đàm phán FTA trong thời gian tới vào tháng 5 vừa qua. Theo chương trình nghị sự này, hàng rào thuế quan của Nhật Bản sẽ phải được dỡ bỏ tương ứng với bất kỳ cam kết dỡ bỏ thuế quan nào từ phía EU và Ủy ban châu Âu sẽ đình chỉ đàm phán nếu sau một năm kể từ khi đàm phán mà hai bên không đạt được tiến triển quan trọng nào trong cam kết dỡ bỏ các hàng rào phi thuế quan như dự kiến.



Ủy ban châu Âu đưa ra lời kêu gọi này bởi theo quy định về thẩm quyền tại EU, để bắt đầu đàm phán một FTA, Ủy ban châu Âu phải nhận được ủy quyền đàm phán chính thức từ Hội đồng châu Âu (với thành phần là đại diện từ các quốc gia thành viên EU). Nghị viện châu Âu thì cho rằng có vẻ như Nhật Bản vẫn chưa sẵn sàng dỡ bỏ các hàng rào phi thuế đối với mua sắm công, dược phẩm và đặc biệt là thị trường ô tô. Bên cạnh đó, các thành viên Nghị viện cũng lo lắng rằng một FTA với Nhật Bản sẽ có ảnh hưởng xấu đến ngành sản xuất ô tô của EU. Đây được xem như lý do chính khiến cơ quan này không ủng hộ việc đàm phán FTA với Nhật Bản.

Nhật Bản là đối tác thương mại lớn thứ hai của EU ở khu vực Châu Á, sau Trung Quốc. Tổng GDP của Nhật Bản và EU cộng lại chiếm hơn một phần ba GDP toàn cầu. Việc ký kết FTA với Nhật Bản được dự báo là có thể giúp gia tăng GDP của EU thêm 0,8%, tăng xuất khẩu của EU sang Nhật Bản 32,7% và tạo thêm khoảng 400.000 công ăn việc làm cho EU.

Nhiều chuyên gia đánh giá rằng việc theo đuổi FTA với Nhật Bản là một trong những chiến lược của Châu Âu trong “cuộc chạy đua FTA” với Hoa Kỳ, đặc biệt là với các nền kinh tế đang phát triển nhanh ở khu vực Châu Á khi vòng Doha tiếp tục bế tắc. Một FTA với Nhật Bản, nếu có, sẽ là tiếp nối các FTA của EU với Hàn Quốc (ký kết vào năm ngoái) và Canada (dự kiến kết thúc vào cuối năm nay).

Malaysia và Australia ký Hiệp định thương mại tự do

Ngày 22/5/2012, tại Kuala Lumpur, Malaysia và Australia đã chính thức ký Hiệp định thương mại tự do giữa hai nước (MAFTA) sau 11 vòng đàm phán diễn ra chỉ trong một năm.

MAFTA là một hiệp định toàn diện với 21 chương bao gồm thương mại, dịch vụ, đầu tư và cả các vấn đề như sở hữu trí tuệ, thương mại điện tử và chính sách cạnh tranh... MAFTA đánh dấu một bước phát triển mới trong quan hệ song phương giữa Malaysia và Australia, bổ sung cho FTA ASEAN-Australia-New Zealand (AANZFTA) đã được ký trước đó vào năm 2009.



Theo MAFTA, Australia sẽ miễn thuế nhập khẩu đối với tất cả các hàng hóa của Malaysia, đổi lại Malaysia sẽ miễn thuế nhập khẩu cho gần 98% hàng hóa của Australia ngay sau khi Hiệp định này có hiệu lực. Ngoài ra, các công ty của Australia có thể nắm quyền sở hữu 100% các công ty viễn thông và giáo dục đại học và nắm tới 70% cổ phần các công ty bảo hiểm và ngân hàng đầu tư của Malaysia.

Hiệp định này bắt đầu có hiệu lực vào ngày 1/1/2013.



VCCI gửi thư kiến nghị về đàm phán Chương Sở hữu trí tuệ trong TPP lên Đại diện Thương mại Hoa Kỳ

Ngày 31/8/2012, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã gửi thư Kiến nghị đến Đại diện Thương mại Hoa Kỳ (USTR) liên quan đến vấn đề Sở hữu trí tuệ trong Đàm phán Hiệp định Đối tác Thương mại Xuyên Thái Bình Dương (TPP). Trong đó, VCCI với sự ủng hộ của 47 đơn vị đại diện cho trên 43.000 doanh nghiệp, hợp tác xã, nhóm bệnh nhân... của Việt Nam đã bày tỏ quan ngại sâu sắc về những đề xuất của Hoa Kỳ đối với Chương Sở hữu trí tuệ trong TPP. Cụ thể, VCCI cho rằng những đề xuất này nếu được thông qua sẽ “đặt ra những thách thức khó vượt qua và có thể gây ra những ảnh hưởng bất lợi lớn đối với một bộ phận dân cư quan trọng và dễ bị tổn thương của Việt Nam”. Vì vậy, VCCI cũng như 47 đơn vị liên quan đã đưa ra những đề xuất cụ thể nhằm giảm thiểu những tác động tiêu cực của vấn đề này vì sức khỏe và tính mạng của hàng triệu người dân Việt Nam cũng như Hoa Kỳ.

Việt Nam khởi động đàm phán FTA với EU

Ngày 26/6/2012, tại buổi làm việc ở Brussels (Bỉ), Bộ trưởng Bộ Công Thương Việt Nam Vũ Huy Hoàng và Cao ủy Thương mại Liên minh châu Âu (EU) Karel De Gucht đã chính thức tuyên bố khởi động đàm phán Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam-EU (FTA VN-EU). Tiếp đó, ngày 27/6/2012, Bộ trưởng Ngoại giao Phạm Bình Minh và Phó Chủ tịch Ủy ban châu Âu, đại diện cấp cao phụ trách an ninh và chính sách đối ngoại EU Catherine Ashton đã ký chính thức Hiệp định khung Đối tác và Hợp tác toàn diện (PCA) giữa Việt Nam và EU.



Việc ký chính thức PCA và khởi động đàm phán FTA VN-EU là hai sự kiện quan trọng, hứa hẹn bước phát triển mới quan trọng trong quan hệ thương mại và đầu tư song phương giữa Việt Nam và thị trường EU (với khoảng 500 triệu dân thuộc 27 nước thành viên). FTA VN-EU dự kiến sẽ là một hiệp định toàn diện bao gồm không chỉ các cam kết về mở cửa thị trường hàng hóa và dịch vụ mà cả các vấn đề khác như mua sắm công, cạnh tranh, phát triển bền vững....

Hiện tại, EU cũng đang đàm phán FTA với Singapore và Malaysia và Việt Nam là “đích nhắm FTA” thứ ba của EU tại khu vực Đông Nam Á. Đàm phán và ký kết các FTA song phương với từng đối tác được xem là chiến lược của EU để thay thế cho đàm phán FTA với ASEAN vốn đã bị ngừng từ năm 2009 sau hai năm đàm phán mà không có mấy tiến triển.

Việt Nam hiện là đối tác thương mại lớn thứ 5 của EU tại khu vực Đông Nam Á còn EU là đối tác thương mại lớn thứ ba của Việt Nam (sau Trung Quốc và Hoa Kỳ). Việt Nam thường nhập khẩu các sản phẩm công nghệ cao từ EU và xuất khẩu chủ yếu là giày dép, hàng dệt may, cà phê, hải sản và đồ gỗ. Một FTA với EU hứa hẹn mang lại những lợi thế quan trọng cho xuất khẩu của Việt Nam, tăng khả năng tiếp cận các công nghệ tiên tiến với giá hợp lý và thu hút đầu tư có chất lượng từ khu vực này.

DOC tuyên bố kết luận sơ bộ về trợ cấp đối với Mắc áo thép Việt Nam

Ngày 30/5/2012, Bộ Thương mại Hoa Kỳ (DOC) đã ra kết luận sơ bộ về trợ cấp trong cuộc điều tra chống bán phá giá và chống trợ cấp đối với mắc áo thép nhập khẩu từ Việt Nam. Theo kết luận sơ bộ, mắc áo thép Việt Nam bị cho là đã nhận được khoản trợ cấp từ 11.03% đến 21.25%. Kết luận này được đưa ra sau hơn 4 tháng điều tra kể từ khi DOC tuyên bố khởi xướng điều tra chống bán phá giá và chống trợ cấp đối với mắc áo thép Việt Nam và điều tra chống bán phá giá đối với mặt hàng này của Đài Loan ngày 18/1/2012.



Theo quy định mới về chống trợ cấp của Hoa Kỳ, các nhà nhập khẩu Hoa Kỳ khi nhập khẩu mắc áo thép của Việt Nam trong giai đoạn kể từ khi có quyết định sơ bộ đến quyết định cuối cùng sẽ phải đặt cọc một khoản tiền dựa trên các mức thuế sơ bộ nói trên thay vì ký quỹ như trước đây. Điều này sẽ khiến cho việc xuất khẩu mắc áo thép sang Hoa Kỳ gặp khó khăn vì dù chưa có quyết định áp thuế chính thức nhưng việc phải đặt cọc trước khi nhập khẩu hàng hóa sẽ khiến các nhà nhập khẩu chuyển sang đối tác khác.

DOC dự kiến đưa ra kết luận cuối cùng về mức độ trợ cấp trong vụ việc này vào ngày 9/10/2012 và Ủy ban Thương mại Quốc tế (ITC) sẽ ra kết luận cuối cùng về thiệt hại vào tháng 11/2012. Nếu cả hai quyết định cuối cùng về trợ cấp và thiệt hại là khẳng định thì DOC sẽ ban hành quyết định áp thuế chính thức dự kiến vào ngày 30/11/2012.

DOC ra kết luận sơ bộ về phá giá đối với ống thép hàn Các-bon của Việt Nam

Ngày 24/5/2012, Bộ Thương mại Hoa Kỳ (DOC) đã ra kết luận sơ bộ khẳng định về phá giá trong cuộc điều tra chống bán phá giá và chống trợ cấp đối với các sản phẩm ống thép hàn các-bon nhập khẩu từ Việt Nam, Ấn Độ, Oman và Các Tiểu Vương Quốc Ả Rập khởi xướng ngày 15/11/2012. Theo đó, các biên độ phá giá tạm thời được xác định là:

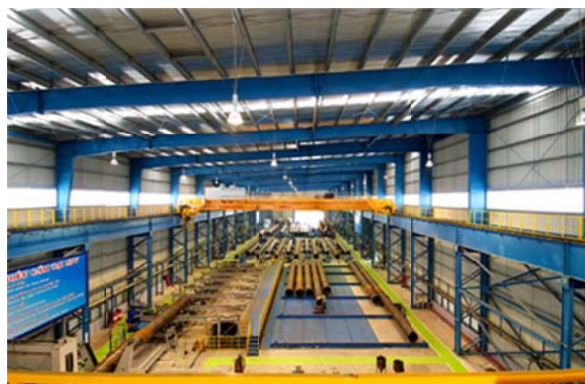
Việt Nam: 0% – 27,96%

Ấn Độ: 48,43%

Oman: 5,59%

Các Tiểu Vương Quốc Ả Rập: 3,29% – 11,71%

Các công ty là bị đơn bắt buộc được DOC chọn làm mẫu và tham gia đầy đủ trong quá trình điều tra đều đạt được mức thuế chống bán phá giá 0%. Các công ty không được chọn



làm mẫu nhưng tự nguyện đăng ký tham gia vào vụ kiện và được DOC chấp thuận đều nhận được mức thuế 9,32%. Các công ty còn lại phải chịu mức thuế cao là 27,96%. Kết quả này cho thấy những công ty chủ động, tích cực và tham gia đầy đủ vào quá trình điều tra sẽ đạt được mức thuế khả quan. Vì vậy, trong quá trình điều tra cuối cùng các công ty muốn đạt được kết quả tốt nhất cần cung cấp thông tin đầy đủ và hợp tác chặt chẽ với cơ quan điều tra.

Trước đó, ngày 27/3/2012, DOC đã ra kết luận sơ bộ khẳng định về trợ cấp đối với ống thép hàn các-bon của Việt Nam. Cụ thể, biên độ trợ cấp sơ bộ được xác định cho 2 bị đơn bắt buộc của Việt Nam lần lượt là 0,04% và 8,06%, các công ty còn lại là 8,06%.

DOC dự kiến đưa ra kết luận cuối cùng về trợ cấp vào tháng 8/2012 và về phá giá vào đầu tháng 10/2012. Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ (ITC) dự kiến công bố kết luận cuối cùng về thiệt hại do hành vi trợ cấp vào tháng 7/2012 và do hành vi phá giá vào cuối tháng 11/2012.

Braxin liên tục kiện chống bán phá giá hàng Việt Nam

Trong 6 tháng đầu năm 2012, Braxin đã tiến hành liên tiếp hai vụ kiện chống bán phá giá đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam. Cụ thể:

- Ngày 13/4/2012, Braxin khởi xướng điều tra chống bán phá giá đối với thép cán nguội nhập khẩu từ Việt Nam, Nam Phi, Đức, Trung Quốc, Hàn Quốc, Phần Lan, Mỹ và Đài Loan. Sản phẩm bị điều tra là thép cuộn không gỉ có mã HS : 7291.32.00, 7219.33.00, 7219.34.00, 7219.35.00, và 7220.20.90. Biên độ phá giá bị cáo buộc đối với Việt Nam là 398.22 USD/tấn (22.5%).
- Ngày 25/6/2012, lốp cao su xe máy của Việt Nam cũng bị Braxin khởi xướng điều tra chống bán phá giá cùng với Thái Lan, Trung Quốc và Đài Loan. Sản phẩm bị kiện là lốp cao su được dùng cho xe máy, có đường rãnh chéo và có mã HS 4011.40.00. Biên độ phá giá bị cáo buộc là 7.79 nghìn đô/tấn (279.21%).

Trong khi đó, Braxin vẫn đang tiếp tục quá trình điều tra chống bán phá giá đối với mặt hàng sợi của Việt Nam, khởi xướng từ ngày 12/9/2012. Giày dép Việt Nam cũng bị điều tra chống lẩn tránh thuế chống bán phá giá từ ngày 4/10/2011 nhưng đến ngày 5/7/2012, Braxin đã ra kết luận cuối cùng không có hành vi lẩn tránh thuế từ Trung Quốc sang Việt Nam và do đó giày dép Việt Nam sẽ không bị đánh thuế.

Braxin là thị trường xuất khẩu nhiều tiềm năng của Việt Nam nhưng cũng là một trong những nước sử dụng nhiều nhất công cụ chống bán phá giá trên thế giới với gần 250 vụ tính đến tháng 6/2012, trong đó hàng xuất khẩu của Việt Nam đã bị kiện 5 vụ.



VIỆT NAM VÀ ĐÀM PHÁN SỞ HỮU TRÍ TUỆ TRONG TPP

Đàm phán Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP) giữa mười một nước trong khu vực APEC (trong đó có Hoa Kỳ) nhằm thiết lập một khu vực thương mại tự do hai bờ Thái Bình Dương bắt đầu cuối năm 2009, đến nay đã qua 11 Vòng đàm phán chính thức và nhiều phiên đàm phán giữa kỳ. Việt Nam là thành viên chính thức từ tháng 11/2010.

Theo dự kiến đầy tham vọng của các nước thành viên TPP về việc sớm kết thúc đàm phán, các cuộc thảo luận, trao đổi và thương lượng đang được thực hiện rất khẩn trương trong tất cả các lĩnh vực.

Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (IP) là một trong những lĩnh vực đàm phán quan trọng trong khuôn khổ các đàm phán FTA thế hệ mới thời gian gần đây và là lĩnh vực được đặc biệt nhấn mạnh bởi các đối tác phát triển (Hoa Kỳ) trong đàm phán TPP. Bản Dự thảo Chương IP của Hoa Kỳ trong đàm phán TPP được tiết lộ lần gần nhất tháng 5/2012 cho thấy nước này nhấn mạnh yêu cầu áp dụng “TRIPS +”, tức là yêu cầu điều chỉnh các biện pháp IP theo hướng tăng quyền của chủ sở hữu, giảm các điều kiện đối với đăng ký bảo hộ và áp dụng các biện pháp nhằm tăng cường khả năng thi hành (bảo đảm) các quyền sở hữu trí tuệ so với mức của WTO hiện tại.

Nếu như bản Dự thảo này được thông qua sẽ có tác động như thế nào đối với Việt Nam? Các ngành nào sẽ có nguy cơ bị ảnh hưởng và ảnh hưởng như thế nào? Việt Nam cần có quan điểm tiếp cận và phương án đàm phán như thế nào để hạn chế tối đa các tác động tiêu cực của cam kết này? Vừa qua, Trung tâm WTO – Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) đã tiến hành điều tra lấy ý kiến cộng đồng doanh nghiệp và các nhóm liên quan và xây dựng Khuyến nghị chính sách về Phương án đàm phán Chương Sở hữu trí tuệ trong TPP.

BẢO HỘ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ TRONG TPP – LỰA CHỌN NÀO CHO VIỆT NAM?

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) là Hiệp hội đầu tiên đề xuất Việt Nam tham gia Hiệp định Đối tác Thương mại Xuyên Thái Bình Dương (TPP) và cũng là đơn vị khởi xướng các chiến dịch vận động rộng rãi trong cộng đồng doanh nghiệp về các phương án đàm phán TPP. Cho đến nay, VCCI đã thay mặt cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam thực hiện bốn Khuyến nghị chính sách về các phương án đàm phán từng nội dung cụ thể trong TPP làm cơ sở cho Đoàn đàm phán của Chính phủ khi tham gia đàm phán TPP.

Tháng 5/2012 vừa qua, bản Dự thảo Chương Sở hữu trí tuệ của Hoa Kỳ đề xuất trong đàm phán TPP đã bị tiết lộ trong đó có nhiều nội dung có khả năng sẽ tác động lớn đến Việt Nam. Vì vậy, VCCI đã tiến hành nghiên cứu, điều tra lấy ý kiến cộng đồng và lập Khuyến nghị phương án đàm phán vấn đề sở hữu trí tuệ trong TPP dựa trên bản Dự thảo này. Chúng tôi đã có dịp phỏng vấn TS. Nguyễn Thị Thu Trang – Giám đốc Trung tâm WTO – VCCI liên quan đến vấn đề này.

Theo như Dự thảo Chương Sở hữu trí tuệ (IP) của Hoa Kỳ (bản bị tiết lộ tháng 5/2012) thì có khả năng nước này sẽ yêu cầu các nước trong TPP phải áp dụng “TRIPS+” thậm chí “TRIPS++”. Vậy theo bà, Việt Nam có nên chấp nhận yêu cầu này của Hoa Kỳ hay không? Quan điểm của bà về vấn đề này?

Như các bạn đã biết, TRIPS+ hay TRIPS++ là cách nói khác của những yêu cầu gia tăng mức độ bảo hộ các quyền sở hữu trí tuệ cao hơn mức bảo hộ hiện nay tại Hiệp định về các khía cạnh thương mại của quyền sở hữu trí tuệ của WTO (có tên viết tắt là TRIPS). Yêu cầu về TRIPS+ hay TRIPS++ của Hoa Kỳ trong TPP đồng nghĩa với việc nếu Việt Nam chấp nhận, chúng ta sẽ phải nâng cao mức độ bảo hộ các quyền sở hữu trí tuệ thêm một bước (hoặc thậm chí là nhiều bước) so với các tiêu chuẩn bảo hộ trong TRIPS đang áp dụng tại Việt Nam.



Về nguyên tắc, các quyền sở hữu trí tuệ (SHTT) là vấn đề gắn với sáng tạo, tri thức, trí tuệ của con người, là động lực và cơ sở cho mọi mặt của đời sống kinh tế, xã hội. Bảo hộ các quyền SHTT là bảo vệ quyền lợi cho người sáng tạo/sở hữu các sản phẩm trí tuệ này, khuyến khích và tạo động lực cho họ tiếp tục sáng tạo, từ đó nâng cao hiệu quả sản xuất và chất lượng cuộc sống.

Tuy nhiên, bảo hộ SHTT cần được đánh giá trong mối tương quan giữa yêu cầu bảo vệ quyền của chủ sở hữu SHTT với nhu cầu tiếp cận tri thức, công nghệ và các sản phẩm sáng tạo với mức chi phí chấp nhận được của các ngành khoa học, sản xuất, của Nhà nước, các tổ chức nghiên cứu, sản xuất cũng như của người dân Việt Nam hiện nay.

Việt Nam là nước đang phát triển, và chúng ta đang ở bước sơ khai trong tiến trình ba cấp độ phát triển về khoa học công nghệ của thế giới (bao gồm cấp độ 1 - làm theo, cấp độ 2 - cải tiến; cấp độ 3 - sáng tạo), nhu cầu của công chúng, của nền kinh tế cũng như của sự nghiệp phát triển khoa học trong việc tiếp cận tri thức, khoa học và công nghệ đã có sẵn của thế giới với chi phí thấp hoặc không mất phí (để có thể “làm theo” được) là rất lớn. Trong bối cảnh này, mức độ bảo hộ quyền SHTT thực tế là sự cân nhắc giữa lợi ích của số đông người dân, doanh nghiệp và cả nền kinh tế, khoa học của Việt Nam với lợi ích của các chủ SHTT nước ngoài là chủ yếu.

Và tôi cho rằng việc chúng ta cân nhắc nên hay không nên chấp nhận đề xuất TRIPS+, TRIPS++ của Hoa Kỳ trong TPP cần đặt trong bối cảnh cụ thể này.

Các chủ SHTT nước ngoài hiện đã được bảo hộ quyền tại Việt Nam theo các tiêu chuẩn của TRIPS (vốn đã được xem là khá cao so với trình độ phát triển của Việt Nam hiện nay, nhưng vì để có thể thành thành viên WTO, Việt Nam đã phải chấp nhận). Gia tăng quyền của các đối tượng này sẽ đồng nghĩa với việc lợi ích công đồng các đối tượng sử dụng các sản phẩm được bảo hộ quyền SHTT này (ví dụ các bệnh nhân sử dụng thuốc có biệt dược, người nông dân sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật hoặc thuốc thú y, các thư viện, trường đại học cơ sở nghiên cứu sử dụng các ấn phẩm có tác quyền..) sẽ bị cắt xén tương ứng.

Từ góc độ này, tôi cho rằng bất kỳ quyết định nào khiến gia tăng mức độ bảo hộ SHTT nào trong TPP cần được thực hiện một cách hết sức thận trọng và hạn chế ở mức có thể.



Tuy nhiên, có ý kiến cho rằng bảo hộ SHTT là điều kiện để thu hút đầu tư nước ngoài. Trong hoàn cảnh một nước đang phát triển như Việt Nam có nhu cầu rất lớn về nguồn vốn thì việc chấp nhận TRIPS+ sẽ đem lại được nhiều lợi ích từ việc thu hút được các nhà đầu tư nước ngoài?

Đúng là có nhiều lập luận cho rằng việc bảo hộ SHTT sẽ là điều kiện giúp thu hút đầu tư nước ngoài (FDI), bởi các nhà đầu tư sẽ không phải lo ngại về việc công nghệ của mình bị đánh cắp ở các nước nhận đầu tư.

Tuy nhiên, với những gì mà tôi được biết thì những lập luận này không có căn cứ vững chắc nào.

Về mặt lý thuyết, FDI mà các nước đang phát triển mong muốn và kêu gọi là các khoản đầu tư dài hạn, với các nhà máy, cơ sở sản xuất mở tại nước sở tại, sử dụng nhân công địa phương, sản xuất ra hàng hóa xuất khẩu và (nếu có thể) chuyển giao công nghệ sản xuất và kỹ năng quản lý. Nếu thực sự đầu tư theo cách này, nhà đầu tư nước ngoài được suy đoán là quan tâm nhiều hơn đến việc pháp luật nước sở tại về lao động có đủ nghiêm khắc để đảm bảo rằng người lao động sẽ không học lỏm phương thức sản xuất, công nghệ hiện đại của nhà đầu tư để rồi tự mở cơ sở sản xuất của mình hoặc sang làm việc cho đối thủ cạnh tranh.

Ngược lại, nếu một nhà đầu tư chỉ quan tâm tới việc mở một cơ sở/văn phòng đại diện nhỏ để qua đó nhập khẩu các thành phẩm vào bán tại nước sở tại thì họ sẽ rất chú trọng tới pháp luật về bảo hộ nhãn hiệu, bản quyền, sáng chế... để đảm bảo rằng các công ty nội địa của nước sở tại sẽ không bắt chước sản phẩm của họ và khiến họ mất thị phần.

Nói cách khác, tăng cường bảo hộ SHTT không giúp các nước đang phát triển như Việt Nam thu hút được FDI đích thực mà hầu như chỉ tạo điều kiện cho các kiểu FDI ngắn hạn, bề mặt, hầu như không mang lại lợi ích đáng kể cho nước nhận đầu tư.

Trên thực tế, các số liệu về tình hình FDI ở các nước cũng cho thấy không có mối liên hệ rõ ràng nào giữa việc gia tăng mức độ bảo hộ SHTT và hiệu quả thu hút FDI.

Ví dụ, Trung Quốc và Ấn Độ có mức độ bảo hộ SHTT thấp nhưng vẫn có thể thu hút nguồn FDI khổng lồ. Trong khi đó các nước châu Phi với tiêu chuẩn bảo hộ SHTT thuộc hàng cao nhất (do tiếp thu gần như toàn bộ pháp luật từ các nước phát triển) lại có mức thu hút FDI khiêm tốn, nếu không nói là rất thấp.



Nhưng rõ ràng tăng cường bảo hộ SHTT sẽ giúp phát triển khoa học công nghệ ở các nước đang phát triển như Việt Nam?

Điều mà bạn nói là “rõ ràng” này trên thực tế không hoàn toàn hiển nhiên như thế nếu nhìn từ lịch sử phát triển chung của hoạt động nghiên cứu, phát triển và sáng tạo của xã hội.

Cụ thể, trong lịch sử phát triển của loài người, mọi bước sáng tạo, đặc biệt trong lĩnh vực khoa học, là sự kế thừa những bước sáng tạo trước đó, người sáng tạo sau đứng trên vai những người sáng tạo đi trước để sáng tạo và xây dựng nền khoa học thế giới đồ sộ như hiện nay. Do đó, bảo hộ SHTT có thể là động lực vật chất để các cá nhân, tổ chức sáng tạo nhưng không phải là cơ chế để khuyến khích sáng tạo trong cộng đồng. Điều này đúng không chỉ đối với các nước đang phát triển, nơi nhu cầu sử dụng tri thức, khoa học, sáng tạo đã có để phát triển là rất lớn, mà còn đúng cả với các nước phát triển.



Ở góc độ khác, sáng tạo có thể phát triển mà không cần dựa vào hệ thống quy định bảo hộ SHTT nào. Phần lớn các sáng tạo, phát minh nổi tiếng nhất của Thụy Sĩ được thực hiện vào giai đoạn trước khi nước này có pháp luật bảo hộ SHTT. Tương tự với các phát minh trong công nghiệp chế tạo máy ở Đài Loan... Ở Phương Tây, những sáng tạo quan trọng nhất, cơ bản nhất được thực hiện vào thời Phục Hưng, khi chưa có quy định bảo hộ SHTT nào. Ở Phương Đông, các loại thuốc đông y truyền thống được tìm tòi, sáng tạo từ hàng nghìn năm nay và được sử dụng bởi hàng ngàn cộng đồng dân cư theo các cách thức khác nhau mà không cần một hệ thống bảo hộ SHTT nào để khuyến khích phát triển.

Vậy theo bà mức độ bảo hộ SHTT như thế nào là thích hợp đối với Việt Nam?

Khi gia nhập WTO, Việt Nam đã chấp nhận áp dụng toàn bộ các quy định về bảo hộ SHTT trong khuôn khổ WTO (TRIPS) được xây dựng trên cơ sở yêu cầu của các nước phát triển, nhóm nắm thế chủ động trong đàm phán Uruguay thành lập Tổ chức WTO này. TRIPS bị phê phán là không phù hợp với nhu cầu và trình độ phát triển của các nước đang và kém phát triển bởi các tiêu chuẩn quá cao, bảo vệ lợi ích của một nhóm thiểu số giàu có (đa phần từ các nước phát triển) chống lại lợi ích công cộng của số đông ở các nước này.

Trong thời gian qua, việc đảm bảo thực thi các cam kết trong khuôn khổ WTO về vấn đề này đã và đang là thách thức đối với Việt Nam, không chỉ đối với các doanh nghiệp mà còn đối với cả cộng đồng.

Tham gia đàm phán TPP với nhiều đòi hỏi TRIPS+, Việt Nam ở một vị thế khác so với đàm phán WTO, Việt Nam có quyền có tiếng nói riêng của mình dựa vào nhu cầu thực tế của Việt Nam về vấn đề này thay vì phải chịu áp đặt như khi đàm phán WTO. Và vì vậy, việc đưa ra các

cam kết về SHTT, vấn đề có liên quan đến những lợi ích cộng đồng quan trọng, cần được cân nhắc một cách cẩn trọng và kiên quyết.

Hơn nữa, sau TPP, Việt Nam đang dự định tham gia đàm phán nhiều Hiệp định thương mại tự do (FTA) với những đối tác quan trọng (ví dụ EU, Nga...). Những cam kết trong TPP có thể là một “ràng buộc” (“trần dưới”) cho những cam kết trong các FTA tương lai này. Vì vậy, đàm phán TPP càng cần phải thận trọng nhiều hơn.

Tóm lại, nhìn tổng thể, từ nhu cầu thực tế của Việt Nam, tôi cho rằng chúng ta cần có thái độ cẩn trọng và kiên quyết trước mọi yêu cầu về TRIPS+ nói chung và TRIPS+ trong TPP.

Trân trọng cảm ơn bà!



BẢO HỘ SÁNG CHẾ VÀ NHỮNG ĐỐI TƯỢNG DỄ BỊ TỔN THƯƠNG

Trong đàm phán vấn đề sở hữu trí tuệ trong TPP, sáng chế là một trong những chủ đề gây nhiều tranh cãi. Điều này xuất phát từ lợi ích trái ngược nhau giữa Hoa Kỳ và các nước đang phát triển như Việt Nam bởi việc bảo hộ bằng sáng chế là bảo vệ lợi ích cho một số ít các chủ sở hữu nhưng lại hạn chế quyền tiếp cận các sản phẩm công nghệ/sáng tạo của người dân đặc biệt là những đối tượng dễ bị tổn thương như người nông dân và người bệnh.

Theo định nghĩa, sáng chế là *giải pháp kỹ thuật dưới dạng sản phẩm hoặc quy trình nhằm giải quyết một vấn đề xác định bằng việc ứng dụng các quy luật tự nhiên*. Như vậy sáng chế có thể bao gồm hầu như tất cả những sáng tạo khoa học phục vụ cho sản xuất và phát triển. Cũng vì vậy, bảo hộ độc quyền đối với sáng chế như thế nào sẽ có tác động trực tiếp đến khả năng phổ biến và ứng dụng khoa học trong sản xuất và đời sống.

Về bản chất, bằng sáng chế độc quyền mang lại quyền và lợi ích cho chủ sở hữu bằng sáng chế trong quan hệ với người sử dụng các sản phẩm từ sáng chế được bảo hộ đó. Người sử dụng phải trả phí bản quyền (thông qua việc trả phí trực tiếp để được phép sản xuất hoặc trả phí thông qua giá đối với sản phẩm có bản quyền) cho chủ sở hữu bằng sáng chế. Chính vì phí bản quyền này mà khả năng mở rộng và phát triển rộng rãi các sáng chế bị giới hạn đáng kể.

Đối với một nước có nền sản xuất còn nhiều hạn chế, khả năng sáng tạo chưa cao, hầu như chỉ nhập khẩu công nghệ như Việt Nam, nhìn chung càng tăng cường bảo hộ sáng chế, doanh nghiệp, người tiêu dùng các sản phẩm công nghệ ở Việt Nam càng bị thiệt hại. Trong hoàn cảnh Việt Nam đang cố gắng tiếp nhận, hấp thụ càng nhiều sản phẩm công nghệ/sáng tạo với giá càng rẻ càng tốt để tăng chất lượng cuộc sống, sức khỏe, hiệu quả sản xuất thì mọi đề xuất tăng cường bảo hộ sáng chế (dưới bất kỳ hình thức nào) so với các mức bảo hộ hiện tại của TRIPS đều là bất lợi cho Việt Nam nói chung và có thể tác động nghiêm trọng tới một số nhóm đối tượng dễ bị tổn thương như người bệnh và người nông dân.



Bảo hộ sáng chế sẽ hạn chế quyền tiếp cận thuốc của người bệnh

Dược phẩm là một trong những lĩnh vực được xem là nhạy cảm nhất trong các vấn đề về Sáng chế bởi sản phẩm này có liên quan tới một lợi ích công cộng đặc biệt quan trọng: sức khỏe, tính mạng con người và xa hơn là sự tồn tại và chất lượng cuộc sống của cộng đồng.

Theo TRIPS, các loại dược phẩm hiện đại (không tính thuốc đông y truyền thống) đều có thể được xem là sáng chế. Những dược phẩm được đăng ký bảo hộ sáng chế và còn trong thời hạn bảo hộ được gọi là “thuốc có bản quyền”, chỉ chủ sở hữu có quyền cho phép sản xuất. Các đơn vị sản xuất khác nếu muốn sản xuất thuốc có bản quyền đó thì phải trả tiền cho chủ sở hữu sáng chế theo thỏa thuận và vì vậy giá của các dược phẩm

được sản xuất ra sẽ phải bao gồm cả tiền bản quyền này. Trên thực tế, nhiều hãng dược đã bị chỉ trích bởi đã thu lợi quá lớn từ bản quyền dược phẩm (bằng cách đòi mức phí bản quyền cao) khiến giá thuốc trở nên bất hợp lý và không thể “chịu đựng” được bởi người bệnh ở nhiều nước trên thế giới. Giá thuốc chỉ rẻ đi khi thuốc hết thời hạn bảo hộ độc quyền (gọi là thuốc generic), các nhà sản xuất khác nếu có khả năng (có công nghệ và nguồn lực) có thể sản xuất thuốc generic mà không phải trả phí bản quyền cho chủ sở hữu.

Mọi yêu cầu cao hơn TRIPS trong bảo hộ sáng chế (ví dụ gia hạn thời gian bảo hộ, tạo thuận lợi để việc đăng ký bảo hộ dễ dàng, mức phạt vi phạm cao và nghiêm khắc hơn...) đối với dược phẩm đồng nghĩa với việc giúp tăng cường quyền bảo hộ của chủ sở hữu sáng chế. Điều này sẽ làm khó khăn cho việc sản xuất thuốc generic theo các cách thức khác nhau. Hệ quả trực tiếp và tức thời là giá thuốc cao và điều kiện để hạ giá thuốc hầu như không khả thi. Đối với một nước đang phát triển nói chung, nơi thu nhập trung bình của người dân ở mức thấp và chi phí chữa bệnh chiếm một tỷ trọng cao trong tổng chi phí sinh hoạt, giá thuốc cao đồng nghĩa với khả năng tiếp cận thuốc giảm rõ rệt, có thể ảnh hưởng nghiêm trọng tới việc bảo vệ sức khỏe của từng cá nhân.

Trong các trường hợp mà chi phí dành cho dược phẩm và chữa trị được tài trợ bởi Nhà nước thông qua các chương trình bảo vệ sức khỏe cộng đồng, giá thuốc cao đồng nghĩa với việc số lượng người thụ hưởng ít hơn và/hoặc mức độ hỗ trợ trong chữa trị giảm đi đáng kể (bởi nguồn lực của Nhà nước dành cho việc này ở các nước đang phát triển là rất nhỏ). Nói cách khác bảo hộ sáng chế cao hơn TRIPS sẽ có tác động tiêu cực, trực tiếp, tức thời và nghiêm trọng tới quyền



tiếp cận dược phẩm và công cuộc bảo vệ sức khỏe cộng đồng ở các nước đang phát triển. Và Việt Nam không nằm ngoài quy luật này.

Thực trạng khả năng tiếp cận thuốc tại Việt Nam

Theo một khảo sát của WHO năm 2010 thì giá thuốc đại trà ở Việt Nam cao gấp 11,41 lần giá thuốc trung bình trên thế giới, giá thuốc đặc trị thì cao gấp 46,58 lần trung bình thế giới.

Giá thuốc quá cao này là một nguyên nhân quan trọng khiến cho tỷ lệ bệnh nhân có khả năng tiếp cận thuốc (thuốc có giá vừa phải, chất lượng tốt) rất thấp.

Cụ thể, ở Việt Nam mới chỉ có 20% số người có nhu cầu có thể tiếp cận thuốc (nói chung), và chỉ có 13% đối tượng có nhu cầu có thể tiếp cận được thuốc dành cho bà mẹ, trẻ em.

Nguồn: Báo cáo “Giá thuốc khiến người dân ốm yếu hơn và nghèo hơn”, Văn phòng WHO tại Việt Nam, 2010

Đối với các doanh nghiệp sản xuất dược ở các nước đang phát triển, TRIPS+ cũng gây ra những khó khăn đáng kể bởi đây thường là những doanh nghiệp nhỏ, rất ít chi phí cho việc nghiên cứu và phát triển dược phẩm mới và chủ yếu sản xuất thuốc generic. Và TRIPS+ cản trở việc sản xuất thuốc generic của các doanh nghiệp này.

Tại nhiều diễn đàn khắp nơi trên thế giới, có một sự đồng thuận cao về việc trong khi các lợi ích kinh tế cần được cân nhắc và bù trừ trong những trường hợp nhất định trong khuôn khổ các đàm phán mở cửa thương mại, sức khỏe cộng đồng là điều không thể bị hy sinh vì bất kỳ lợi ích nào khác.

Trong khuôn khổ WTO, bản thân các nước cũng thừa nhận rằng TRIPS là tiêu chuẩn quá cao nếu xét từ góc độ dược phẩm. Đây là lý do tại sao các nước đồng thuận trong việc đưa ra tuyên bố Doha 2001 về việc áp dụng linh hoạt TRIPS đối với các trường hợp liên quan đến quyền tiếp cận dược phẩm của công chúng. Và đây là căn cứ quan trọng để các nước, đặc biệt là các nước đang phát triển, áp dụng cũng như đòi hỏi những tiêu chuẩn SHTT linh hoạt và phù hợp trong vấn đề này trong cả WTO lẫn các đàm phán thương mại khác.

Bảo hộ sáng chế sẽ làm tăng gánh nặng chi phí cho người nông dân

Với lực lượng lao động (hoạt động toàn bộ hoặc bán thời gian) chiếm tới trên 48% tổng số dân trong độ tuổi lao động và 69,4% dân số sống ở khu vực nông thôn, ngành nông nghiệp tuy chỉ đóng góp 22,02% tổng giá trị sản phẩm trong nước (số liệu năm 2011) nhưng có ảnh hưởng đến thu nhập và đời sống của đa số dân cư Việt Nam.

Các quy định về tăng cường mức độ bảo hộ sáng chế có ảnh hưởng trực tiếp tới giá của các loại nông hóa phẩm quan trọng trong nông nghiệp như thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, phân bón, thức ăn gia súc... bởi các sản phẩm này hầu hết đều là đối tượng của các sáng chế. Cơ chế ảnh hưởng tương tự như phân tích đối với dược phẩm (nêu trên): sản phẩm được bảo hộ thì giá thành phải cộng thêm phí bản quyền (mà thường là rất cao) và do đó càng tăng cường bảo hộ sáng chế, nguy cơ các sản phẩm độc quyền bị tăng giá càng cao hơn.

Trong khi đó, với trình độ sản xuất còn thấp như hiện tại, chi phí dành cho thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật và các hóa chất phục vụ nông nghiệp chiếm một tỷ trọng đáng kể trong tổng chi phí

sản xuất nông nghiệp Việt Nam. Giá nông hóa phẩm tăng sẽ có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả của sản xuất nông nghiệp tại Việt Nam, qua đó tác động tức thời đến thu nhập của một bộ phận lớn dân cư sống dựa vào sản xuất nông nghiệp.

Hơn nữa, trong nhiều FTA gần đây các nước phát triển như Hoa Kỳ còn ép đưa vào những quy định mới cho phép mở rộng đối tượng có thể được bảo hộ qua bằng sáng chế, cụ thể bảo hộ sáng chế đối với các loại giống cây trồng và vật nuôi (vốn là những đối tượng mà theo TRIPS các nước được phép loại trừ khỏi phạm vi bảo hộ sáng chế do có thể gây tác động lớn tới sản xuất lương thực, thực phẩm cũng như đa dạng sinh học). Nếu trong TPP có những quy định như vậy, chi phí cho các loại cây, con giống mới cho năng suất cao sẽ là rất lớn.

Trong khi đó, khác với lĩnh vực dược phẩm và quyền tiếp cận dược phẩm của công chúng, nông nghiệp không phải mối quan tâm chung của các nước đang phát triển trong đàm phán TPP (bởi họ không có ngành nông nghiệp như Việt Nam). Vì vậy, Việt Nam có thể không nhận được sự ủng hộ của các đối tác trong đàm phán để bảo vệ những lợi ích nông nghiệp trong các quy định về sáng chế tại chương SHTT. Do đó, các nhà đàm phán Việt Nam càng cần phải quyết tâm và cứng rắn hơn trong đàm phán về vấn đề này nhằm bảo vệ tốt nhất một nhóm lợi ích đặc biệt quan trọng của Việt Nam. Bởi lợi ích về nông nghiệp và quyền lợi của hàng triệu nông dân, nhóm đối tượng yếu thế, dễ bị tổn thương và cần bảo vệ nhất trong quá trình hội nhập của Việt Nam không thể bị đánh đổi cho bất kỳ lợi ích nào (đặc biệt khi những lợi ích đó chỉ là suy đoán, và không chắc chắn – ví dụ như kỳ vọng tăng trưởng FDI nhờ bảo vệ SHTT; hoặc chỉ hướng vào một nhóm nhỏ mà vốn đã có thu nhập rất cao - các chủ sở hữu sáng chế các nông hóa phẩm ở nước ngoài).

Trong khi các nhà đàm phán Hoa Kỳ thường rất cứng rắn trong các vấn đề về SHTT dưới áp lực của các công ty lớn trong nước họ, các nhà đàm phán Việt Nam cũng cần có sự quyết tâm tương tự trong việc từ chối các đề xuất này bởi lợi ích mà Việt Nam bảo vệ là chính đáng, và trong so sánh với các nhóm lợi ích mà Hoa Kỳ cần bảo vệ thì rõ ràng những lợi ích của nhóm yếu thế, đông đảo và có thu nhập thấp cần phải được ưu tiên hơn.

Do vậy, từ góc độ lợi ích của nông dân, đối với mọi đề xuất TRIPS+ mà các đối tác đưa ra trong TPP, nếu có, Việt Nam đều cần đòi hỏi các ngoại lệ đối với nhóm sản phẩm thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật và các nông hóa phẩm khác, nhằm bảo vệ lợi ích của một bộ phận dân cư dễ bị tổn thương trong xã hội.

